

# Tiểu học Jim Thorpe Fundamental

## 2022-2023 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (Xuất bản trong năm học 2023-2024)



### Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

#### Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web về LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

#### DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

#### Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng thông tin Trường học California (Bảng thông tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học sinh. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

## Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

## Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2023 – 2024

<b>Tên Trường</b>	Tiểu học Jim Thorpe Fundamental
<b>Đường</b>	2450 West Alton Avenue
<b>Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip</b>	Santa Ana, CA 92704
<b>Số điện thoại</b>	(714) 430-5800
<b>Hiệu trưởng</b>	Meg Greene
<b>Địa chỉ Email</b>	meg.greene@sausd.us
<b>Trang web của Trường</b>	<a href="https://www.sausd.us/thorpe">https://www.sausd.us/thorpe</a>
<b>Mã Học khu của Quận (CDS)</b>	30-66670-6116917

## Thông tin liên hệ của học khu năm học 2023-24

<b>Tên Học khu</b>	Học khu Thống nhất Santa Ana
<b>Số điện thoại</b>	714-558-5501
<b>Giám đốc</b>	Jerry Almendarez
<b>Địa chỉ Email</b>	jerry.almendarez@sausd.us
<b>Trang web Học khu</b>	www.sausd.us

## Mô tả và Tuyên bố sứ mệnh của nhà trường năm học 2023 – 2024

Trường Tiểu Học Jim Thorpe Fundamental (Thorpe Fundamental) nằm trên đường West Alton Avenue giữa Đường South Greenville và South Raitt. Thorpe Fundamental là trường tự chọn; học sinh cư trú trong phạm vi ranh giới theo học của học khu đều đủ điều kiện để đăng ký thông qua hệ thống quay số. Được thành lập bởi các phụ huynh học sinh, những người đang tìm kiếm chương trình giáo dục truyền thống cho con em họ, chương trình theo tiêu chuẩn của Thorpe Fundamental tập trung vào chủ đề Học sinh vào Đại học.

### Tầm nhìn Nhà trường

Nhân viên và phụ huynh của Jim Thorpe Fundamental Elementary School cam kết thực hiện chương trình giảng dạy từ Mẫu giáo - Lớp 5 cung cấp cho tất cả học sinh cơ hội tiếp thu kiến thức và kỹ năng cần thiết để trở thành những người học tập cả đời, phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy phản biện và để đạt được sự hiểu biết về văn hóa, các nguyên tắc dân chủ và các giá trị công dân cần thiết để tham gia vào một xã hội dân chủ. Sự thành công của chương trình này là dựa trên các trải nghiệm học tập liên tục mà giải quyết các nhu cầu về học thuật, xã hội và sức khỏe thể chất đặc biệt của tất cả học sinh; nhân viên có khả năng tiếp cận với những cơ hội phát triển của nhân viên nhằm mở rộng kiến thức và kỹ năng cần thiết để đáp ứng được các nhu cầu cụ thể của học sinh; và sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường với phụ huynh và cộng đồng.

### Sứ mệnh Nhà trường

Nhiệm vụ của cộng đồng trường học chúng tôi, trong đó bao gồm các nhân viên tận tâm và các phụ huynh tham gia tích cực, là hợp tác xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc học tập suốt đời. Chúng tôi cam kết khơi dậy cho học sinh ý thức trách

## Mô tả và Tuyên bố sứ mệnh của nhà trường năm học 2023 – 2024

nhệm sâu sắc và thúc đẩy sự tôn trọng dành cho bản thân và người khác. Thông qua hướng dẫn mang tính nuôi dưỡng và những thử thách có ý nghĩa, chúng tôi tạo điều kiện cho mỗi học sinh khao khát đạt được những mục tiêu cao cả, tự hào về thành tích của mình và cố gắng phát huy tiềm năng tối đa của mình.

-----

## Giới thiệu về Trường

### Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023

Cấp lớp	Số Học sinh
Mẫu giáo	145
Lớp 1	135
Lớp 2	139
Lớp 3	122
Lớp 4	140
Lớp 5	144
Tổng Ghi danh	825

### Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022-23

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	50.3%
Nam	49.7%
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.1%
Người gốc Châu Á	5.7%
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	0.5%
Người Phi Luật Tân	0.5%
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	88.5%
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	2.5%
Người Da trắng	2.2%
Sinh viên nói tiếng anh	28.8%
Những đứa con nuôi	0.6%
Vô gia cư	7%
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	60.4%
Học sinh khuyết tật	8.5%

## A. Điều kiện Học tập

### Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

## Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	32.00	100.00	1683.40	86.66	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	7.30	0.38	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	56.10	2.89	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	17.70	0.91	12115.80	4.41
Không xác định	0.00	0.00	177.80	9.16	18854.30	6.86
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>32.00</b>	<b>100.00</b>	<b>1942.60</b>	<b>100.00</b>	<b>274759.10</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	33.30	97.09	1778.10	86.59	234405.20	84.00
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	10.70	0.52	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	113.70	5.54	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	1.00	2.91	23.50	1.15	11953.10	4.28
Không xác định	0.00	0.00	127.30	6.20	15831.90	5.67
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>34.30</b>	<b>100.00</b>	<b>2053.50</b>	<b>100.00</b>	<b>279044.80</b>	<b>100.00</b>

CDE đã công bố dữ liệu giáo viên có sẵn năm đầu tiên cho SARC năm học 2020 – 2021 vào tháng 6 năm 2022 và CDE đã công bố dữ liệu năm thứ hai cho SARC năm học 2021 – 2022 vào tháng 6 năm 2023. Mục 33126(b)(5) của EC yêu cầu dữ liệu giáo viên của ba năm gần đây nhất phải có trong SARC, vì dữ liệu có sẵn. Dữ liệu giáo viên cho SARC năm học 2022 – 2023 sẽ không có trước ngày 1 tháng 2 năm 2024, do đó không được đưa vào mẫu.

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0.00	0.00
Bổ nhiệm sai	0.00	0.00
Các vị trí còn trống	0.00	0.00
<b>Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai</b>	<b>0.00</b>	<b>0.00</b>

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

## Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	0.00	1.00
Tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.00
<b>Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn</b>	<b>0.00</b>	<b>1.00</b>

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

## Phân công lớp học

Chỉ báo	2020-21	2021-22
<b>Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ</b> (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	0	0
<b>Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy</b> (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	0	0

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

## Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác

Toàn bộ sách giáo khoa sử dụng trong các chương trình giảng dạy chính trên toàn Học khu Thống nhất Santa Ana đều tuân thủ các Khung chương trình và Tiêu chuẩn nội dung của California. Tài liệu giảng dạy cho các lớp K-8 được lựa chọn từ danh mục tài liệu dựa trên tiêu chuẩn của tiểu bang và được Hội đồng Giáo dục Tiểu bang thông qua. Tài liệu giảng dạy cho lớp 9-12 là tài liệu dựa trên tiêu chuẩn và đã được Hội đồng Ủy thác của học khu phê chuẩn. Vào ngày 26 Tháng Chín, 2023, Hội đồng Quản trị Học khu Hợp nhất Santa Ana đã tổ chức một buổi điều trần công khai để xác nhận mức độ cung cấp các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy cho học sinh. Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết Số 23/24-3534, chứng nhận theo yêu cầu của Bộ luật Giáo dục §60119 rằng đối với năm học 2023-2024, Học khu Hợp nhất Santa Ana đã cung cấp đủ sách giáo khoa hoặc tài liệu hướng dẫn, hoặc cả hai, để phù hợp với nội dung và chu kỳ học tập theo khung chương trình giảng dạy được Hội đồng Tiểu bang phê duyệt cho từng học sinh, bao gồm cả những học sinh đăng ký khóa học ngoại ngữ hoặc sức khỏe, và có đủ thiết bị trong phòng nghiên cứu khoa học áp dụng cho các khóa học sử dụng phòng nghiên cứu thuộc chương trình lớp 9-12 để học sinh sử dụng.

Tháng, năm thu thập dữ liệu

Ngày 27 tháng 9 năm 2022

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Độc/Ngôn ngữ	Benchmark Education Company, Benchmark Advance	Có	0
Toán	Houghton-Mifflin, Expressions	Có	0
Khoa học	MacMillian/McGraw Hill California Science	Không	0
Lịch sử-Khoa học Xã hội	Scotts Foresman	Không	0
Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)	Không có thông tin	Không có thông tin	

## Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Nhân viên trông coi trường và bộ phận bảo trì của học khu sẽ phối hợp để đảm bảo rằng lớp học và khuôn viên trường được bảo quản tốt, an toàn và thuận tiện cho học sinh, nhân viên và khách đến thăm. Bộ phận Bảo trì và Vận hành (M&O) đưa vào sử dụng hệ thống yêu cầu xử lý điện tử để giúp nhân viên trong trường liên hệ nếu có nhu cầu bảo trì không theo kế hoạch, sửa chữa gấp, hoặc kế hoạch đặc biệt. Đa số các dự án bảo trì và sửa chữa của nhà trường đều được thực hiện bởi các chuyên gia chuyên nghiệp, trình độ cao của học khu. Trong trường hợp khẩn cấp, nhân viên trông coi của nhà trường hoặc nhân viên bảo trì của học khu sẽ xử lý ngay lập tức, tùy thuộc vào tính chất của từng trường hợp. Nhân viên trông coi ban ngày và buổi tối phối hợp chặt chẽ với nhau và với hiệu trưởng để bảo trì định kỳ, nhiệm vụ trông nom hàng ngày và chuẩn bị cho các sự kiện đặc biệt. Hiệu trưởng và nhân viên trông coi ban ngày sẽ trao đổi hàng ngày để thảo luận về các nhu cầu dọn dẹp và các công việc an toàn. Mỗi buổi sáng trước giờ học, nhân viên trông coi, hiệu trưởng và trợ lý hiệu trưởng sẽ kiểm tra cơ sở vật chất xem có nguy cơ an toàn, tranh vẽ graffiti, và các điều kiện khác mà cần loại bỏ hay không trước khi học sinh và nhân viên vào trường. Ưu tiên cao nhất của nhân viên trông coi là đảm bảo trường học được sạch sẽ và an toàn. Đây là một phần quan trọng trong công việc hàng ngày của họ. Nhân viên trông coi được quản lý của bộ phận M&O đào tạo về quy trình dọn dẹp thích hợp, sử dụng hóa chất, và sử dụng trang thiết bị. Nhân viên trông coi ban ngày phải có trách nhiệm tuân thủ bộ tiêu chuẩn dọn dẹp đã được xây dựng và quy trình ưu tiên đối với công việc bảo trì chung trong khuôn viên. Nhân viên trông coi ban ngày phải chủ động kiểm tra các phòng vệ sinh 2 lần/ngày để đảm bảo rằng phòng gọn gàng, an toàn và vệ sinh. Nhân viên trông coi buổi tối có trách nhiệm dọn dẹp toàn bộ các lớp học, khu vực văn phòng và phòng vệ sinh. Nhân viên trông coi sân vườn được văn phòng học khu cử đến để thực hiện công tác bảo trì chung như tạo cảnh quan, làm vườn, sân thể thao và hệ thống tưới nước.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Ngày 9 tháng 6 năm 2023

## Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốc độ Tốt	Tốc độ Bình thường	Tốc độ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
<b>Hệ thống:</b> Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cống rãnh	X			
<b>Bên trong:</b> Các Bề Mặt Bên trong	X			
<b>Sạch Sẻ:</b> Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			:
<b>Điện</b>	X			
<b>Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy:</b> Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			
<b>Bảo vệ:</b> An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			
<b>Cấu Trúc:</b> Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			RM 32: ĐOẠN ĐỐC BỊ RỈ SÉT & CÓ CÁC LỖ -WO #112332 CẦU THANG CẦU THANG ĐANG TRỞ NÊN XUỐNG CẤP -WO #103620
<b>Bên Ngoài:</b> Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			SÂN CHƠI CHÍNH: LỚP NHỰA ĐƯỜNG ĐANG NỨT & GỖY -WO #112331

## Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
X			



## B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

### Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

#### Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).

#### Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

### Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	48	57	31	32	47	46
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	38	45	19	20	33	34

## 2022-23 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	398	396	99.50	0.50	56.82
<b>Nữ</b>	189	189	100.00	0.00	57.67
<b>Nam</b>	209	207	99.04	0.96	56.04
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Châu Á</b>	25	24	96.00	4.00	79.17
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	0	0	0	0	0
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	355	354	99.72	0.28	54.80
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	0	0	0	0	0
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da trắng</b>	--	--	--	--	--
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	70	69	98.57	1.43	24.64
<b>Những đứa con nuôi</b>	--	--	--	--	--
<b>Vô gia cư</b>	29	28	96.55	3.45	53.57
<b>Quốc phòng</b>	28	27	96.43	3.57	44.44
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	262	260	99.24	0.76	54.62
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	40	40	100.00	0.00	35.00

## Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	398	397	99.75	0.25	44.58
<b>Nữ</b>	189	189	100.00	0.00	40.74
<b>Nam</b>	209	208	99.52	0.48	48.08
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Châu Á</b>	25	24	96.00	4.00	75.00
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	0	0	0	0	0
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	355	355	100.00	0.00	41.41
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	0	0	0	0	0
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da trắng</b>	--	--	--	--	--
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	70	70	100.00	0.00	18.57
<b>Những đứa con nuôi</b>	--	--	--	--	--
<b>Vô gia cư</b>	29	29	100.00	0.00	48.28
<b>Quốc phòng</b>	28	27	96.43	3.57	44.44
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	262	261	99.62	0.38	41.38
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	40	40	100.00	0.00	22.50

## Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm CAST và CAA. “Phần trăm đáp ứng hoặc vượt qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của CAST cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3 - Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

Môn học	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
<b>Khoa học</b> (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	26.17	24.65	15.30	16.00	29.47	30.29

## Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm Không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	142	142	100.00	0.00	24.65
<b>Nữ</b>	63	63	100.00	0.00	15.87
<b>Nam</b>	79	79	100.00	0.00	31.65
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0	0	0	0	0
<b>Người gốc Châu Á</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	0	0	0	0	0
<b>Người Phi Luật Tân</b>	0	0	0	0	0
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	128	128	100.00	0.00	21.88
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	0	0	0	0	0
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da trắng</b>	--	--	--	--	--
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	30	30	100.00	0.00	3.33
<b>Những đứa con nuôi</b>	0	0	0	0	0
<b>Vô gia cư</b>	13	13	100.00	0.00	30.77
<b>Quốc phòng</b>	12	12	100.00	0.00	33.33
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	100	100	100.00	0.00	21.00
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	12	12	100.00	0.00	8.33

## Chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật năm học 2022 – 2023

### Tham gia chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật (CTE) năm học 2022 – 2023

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình CTE
Số Học Sinh Tham Gia CTE	
Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học cơ sở	

### Ghi danh khóa học/hoàn thành

Bảng này cho biết việc ghi danh khóa học/hoàn thành các yêu cầu nhập học của Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU).

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Học sinh ghi danh vào các khóa học bắt buộc để vào UC/CSU năm học 2022 – 2023	
Học sinh tốt nghiệp đã hoàn thành tất cả các khóa học bắt buộc để vào UC/CSU năm học 2021 – 2022	

### B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

### Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

### Kết quả kiểm tra thể chất Tiểu bang California năm học 2022 – 2023

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất Tiểu bang California. Công tác quản lý PFT trong các năm học 2021 – 2022 và 2022 – 2023, chỉ yêu cầu kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 5	99.3	100.0	98.6	100.0	100.0

## C. Tham Gia

## Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

### Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2023 – 2024

Parents are encouraged to get involved in Thorpe Fundamental Elementary School's learning community by volunteering their time, attending school events, and sharing feedback during decision-making opportunities. The school welcomes assistance in the classrooms, library/media center, and on field trips when possible.

Thorpe Fundamental Elementary School provides a wide range of opportunities for parents to interact with school staff while supporting their child's academic efforts; these may include:

- Các cuộc họp phụ huynh và ELAC hàng tháng với ban giám hiệu
- Đêm tựu trường
- Nhà mở
- Tiết mục của học sinh
- Người gây quỹ PTA
- Biểu diễn âm nhạc/hợp xướng
- Công việc tình nguyện trong lớp và trường
- Hoạt động khuyến học lớp 5
- Hội nghị công nhận sinh viên
- Đào tạo và/hoặc hội thảo về giáo dục dành cho phụ huynh
- Trung tâm Sức khỏe - Nhân viên FACE kết nối với phụ huynh và cộng đồng
- Đêm vui về gia đình

Ăn trưa với Người Thân

Các Sự kiện Đọc-Viết dành cho Gia đình

Đêm STEAM dành cho Gia đình

Các tổ chức tại khu trường sở sau đây tạo điều kiện cho các phụ huynh đưa ra phản hồi về các chương trình giảng dạy và hoạt động, thiết kế Kế hoạch của Nhà trường:

- Hội đồng trường sở
- Hội đồng tư vấn ngôn ngữ tiếng Anh (ELAC)
- Hội giáo viên và phụ huynh (PTA)

Các phụ huynh tìm kiếm thêm thông tin về cách trở thành thành viên tích cực trong cộng đồng trường học có thể liên hệ với hiệu trưởng hoặc trợ lý hiệu trưởng theo số (714) 430-5800.

Hoạt động liên lạc giữa nhà trường và gia đình được cung cấp bằng cả tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha. Phụ huynh được thông báo về các thông tin trong trường, hoạt động dành cho học sinh, thời khóa biểu, những thay đổi trong chính sách cùng các thông tin cập nhật về chương trình lớp học thông qua thư từ định kỳ và các thông báo đặc biệt. Danh sách sau đây liệt kê các phương thức phổ biến thông tin liên lạc cho phụ huynh.

- Hệ thống Tin nhắn ParentSquare và tin nhắn văn bản/Class Dojo
- Hiệu trưởng và/hoặc Trợ lý Hiệu trưởng gọi điện/gửi lời mời riêng tới phụ huynh
- Trang web của nhà trường
- Kênh dịch vụ công cộng 31 hoặc 51
- Báo của nhà trường và/hoặc lớp
- Tờ rơi
- Thư
- Mái che/Biểu ngữ của nhà trường
- Định hướng cho học sinh mới

## Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2023 – 2024

- Email
- Gọi điện

### C. Tham Gia

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

#### Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Trung học 2022-23	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Tỷ Lệ Bỏ Học				4.7	3.7	8.4	9.4	7.8	8.2
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp				88.4	92.4	89.9	83.6	87	86.2

## Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại [www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp](http://www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp).

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
<b>Bất kỳ học sinh</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Nữ</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Nam</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Phi nhị giới</b>			
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người gốc Châu Á</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người Phi Luật Tân</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người Da trắng</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Những đứa con nuôi</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Vô gia cư</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho</b>	0.0	0.0	0.0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	0.0	0.0	0.0



## Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bất kỳ học sinh	832	827	111	13.4
Nữ	418	416	61	14.7
Nam	414	411	50	12.2
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	1	1	0	0.0
Người gốc Châu Á	47	47	3	6.4
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	4	4	1	25.0
Người Phi Luật Tân	4	4	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	737	733	103	14.1
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	21	21	2	9.5
Người Da trắng	18	17	2	11.8
Sinh viên nói tiếng anh	240	237	35	14.8
Những đứa con nuôi	6	6	0	0.0
Vô gia cư	67	66	11	16.7
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	541	538	80	14.9
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0.0
Học sinh khuyết tật	95	94	16	17.0

### C. Tham Gia

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

### Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Tốc độ	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Đình chỉ	0.00	0.11	0.12	0.02	3.55	4.33	0.20	3.17	3.60
Đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.00	0.03	0.00	0.00	0.07	0.08

## Tình trạng đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	0.12	0
Nữ	0	0
Nam	0.24	0
Phi nhị giới		
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0
Người gốc Châu Á	0	0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0
Người Phi Luật Tân	0	0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0	0
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0	0
Người Da trắng	0	0
Sinh viên nói tiếng anh	0	0
Những đứa con nuôi	0	0
Vô gia cư	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0	0
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0	0
Học sinh khuyết tật	0	0

## Kế hoạch Đảm bảo an toàn Trường học năm học 2023 – 2024

Ngày Phê duyệt Kế hoạch An toàn: Ngày 10 Tháng Tư, 2023

Nhà trường đã phối hợp cùng cơ quan thi hành pháp và Văn phòng Học khu để xây dựng Kế hoạch An toàn Trường học Toàn diện (CSSP) nhằm thực hiện các yêu cầu của Dự Luật 187. CSSP được quản lý bởi Học khu thông qua hệ thống Theo dõi Tài liệu. Kế hoạch mới nhất của nhà trường đã được rà soát và cập nhật để giải quyết các vấn đề về an toàn, an ninh và sự chuẩn bị cho tình huống khẩn cấp. Nhà trường cần phải rà soát và cập nhật Kế hoạch An toàn Trường học Toàn diện (CSSP) của mình cùng với các Hội đồng Khu Trường học và/hoặc Ủy ban An toàn. Mỗi trường học cũng phải gặp gỡ Phòng cảnh sát Học khu Thống nhất Santa Ana hàng năm để thảo luận về quyền ra/vào, dữ liệu tội phạm và các yếu tố khác liên quan đến Phòng ngừa Tội phạm Thông qua Thiết kế Môi trường (CPTED).

-----

### D. Thông Tin Khác của SARC

### Thông tin cần có trong SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

## 2020-21 Tiểu Học) Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	23	1	6	
1	29		4	
2	28		5	
3	28		5	
4	31		5	
5	34		5	1

## 2021-22 Tiểu Học) Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Các lớp học với quy mô nhỏ	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	14	6	5	
1	14	4	6	
2	15	4	4	
3	15	4	5	
4	19	3	5	
5	15	5	5	

## 2022-23 Tiểu Học) Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2022-23. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	18	5	3	0
1	17	2	6	0
2	23	1	5	0
3	15	3	5	0
4	23	1	5	0
5	24	1	5	0
6	0	0	0	0
Khác	0	0	0	0

## 2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ				
Toán				
Khoa học				
Khoa học Xã hội				

## 2021-22 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ				
Toán				
Khoa học				
Khoa học Xã hội				

## 2022-23 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2022-23. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ				
Toán				
Khoa học				
Khoa học Xã hội				

## Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	412.5

## Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	2
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	
Nhân viên Xã hội	
Y Tá	
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	
Khác	6

## Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm tài chính 2021 – 2022

Bảng này cho biết chi tiêu trung bình cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2021 – 2022 của nhà trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$9,033	\$1,339	\$7,694	\$116,232
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	\$8,610	\$98,288
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-11.2	15.7
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,607	\$87,885
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	0.2	30.6

## Các loại dịch vụ được tài trợ năm tài chính 2022 – 2023

- 21st Century ASSETS
- Trung tâm Học tập Cộng đồng Thế kỷ 21
- Giáo dục và An toàn Sau giờ học (ASES)
- Chương trình Thí điểm Giảng dạy Kids Code Sau giờ học
- AVID-OCDE Destination Graduation
- Chương trình Phúc lợi & Giáo dục dành cho Người mới đến California (CalNEW)
- California Partnership Academies
- CalOptima - Chương trình và Dịch vụ Chăm sóc Cơ bản giúp Giải quyết các Yếu tố Xã hội Quyết định Sức khỏe
- Carl D Perkins Mục 131 về Giáo dục Kỹ thuật và Nghề nghiệp
- Circulos
- Tài trợ Khối Phát triển Chuyên nghiệp cho Nhân viên Nhà trường đã Phân loại
- Chương trình Phòng chống Bạo lực Học đường của Văn phòng Dịch vụ Cảnh sát Cộng đồng (COPS)
- CTE Incentive Grant Program
- Quỹ cứu trợ khẩn cấp trường tiểu học và trung học I
- Quỹ cứu trợ khẩn cấp trường tiểu học và trung học II
- Quỹ Cứu trợ Khẩn cấp III dành cho Trường Tiểu học và Trường Trung học III
- Sáng kiến Hứa hẹn của Phụ huynh ePrize
- Tiêu đề IV, Phần A của Đạo luật Giáo dục Tiểu học và Trung học (ESSA), Hỗ trợ Sinh viên và Tài trợ Bồi dưỡng Học tập
- Đạo luật Giáo dục Tiểu học và Trung học: Quỹ tài trợ CSI LEA
- Tài trợ cho các Cơ hội Học tập Mở rộng (ELO)
- Chương trình Cơ hội Học tập Mở rộng
- Governor's Emergency Education Relief Fund
- Head Start
- ITQ Cải thiện Chất lượng Giáo viên UCI
- Cải thiện Lộ trình Chương trình Lực lượng Lao động Nòng cốt K12 (từ OCDE)
- Cải thiện Lộ trình Chương trình Lực lượng Lao động Nòng cốt K12
- Chương Trình Sẵn Sàng Cho Mẫu Giáo II
- Dự án Lighthouse Academy - Sáng kiến CTE của Thống đốc: CA Partnership Academies
- Xổ số: Tài liệu Giảng dạy
- Tài trợ Khối Học sinh có Thành tích Kém
- Trợ cấp cho Giáo viên Dạy dẫn Kinh nghiệm
- Tùy chọn Thanh toán Medi-Cal
- Giáo dục cho người nhập cư
- Tổ chức Tài trợ OCDE TUPE
- Kế khai Bảo Trì Liên Tục và Sửa chữa lớn
- Dự luật 98 về Quỹ Giảm thiểu Mất mát trong Học tập
- SB117 COVID-19 Quỹ ứng phó LEA
- Giáo dục Đặc biệt: ARP IDEA Phần B
- Giáo dục đặc biệt
- Các chương trình bổ sung-Chương trình Trung Học Chuyên Nghiệp (Specialized Secondary)
- CÁC GỢI Ý (Phát triển Chuyên môn cho Giáo viên và Hỗ trợ Chuyên môn)
- Tiêu đề I, Phần A
- Title III Chương trình Giáo dục dành cho Người Nhập cư
- Tiêu đề III Chương trình LEP cho học sinh không thành thạo tiếng Anh
- Tiêu đề II-Phần A Cải thiện chất lượng giáo viên

## Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm tài chính 2021 – 2022

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$63,168	\$55,550
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$94,508	\$80,703
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$122,396	\$109,418
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$155,452	\$137,703
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$152,508	\$143,760
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$167,818	\$159,021
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$350,000	\$319,443
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	34.87%	30.35%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	4.04%	4.87%

## Khóa học cho Lớp nâng cao (AP) năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết phần trăm học sinh trong các khóa học AP tại trường.

### Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP

Bảng này cho biết số lượng các khóa học AP được cung cấp tại trường có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp
Khoa Học Máy Tính	0
Tiếng Anh	0
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	0
Ngoại ngữ	0
Toán	0
Khoa học	0
Khoa học Xã hội	0
<b>Tổng số khóa học AP đã cung cấp</b> Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.	0

## Phát triển Chuyên môn

Các hoạt động phát triển chuyên môn (PD) tại Học khu Thống nhất Santa Ana tập trung vào công tác nâng cao thành tích và kiến thức của học sinh. Mục tiêu của chương trình phát triển chuyên môn sẽ do Học khu lựa chọn và quyết định dựa trên kết quả đánh giá học sinh, đầu vào giáo viên, Tiêu chuẩn Cốt lõi Chung của Tiểu bang, khảo sát phát triển chuyên môn và các sáng kiến học khu. Trong năm học 2022-2023, nhân viên của chúng tôi đã tham gia vào 18 buổi nửa ngày nằm trong các cơ hội phát triển nhân viên được tổ chức trong năm học dưới hình thức hội thảo sau giờ học, các buổi họp tập trung vào cấp lớp và cố vấn cá nhân.

Trong năm học 2023-24, nhóm lãnh đạo giảng dạy đã cam kết tập trung PD vào viết, SIPPS, Tích hợp các tiêu chuẩn ELA với Chương trình Giảng dạy Khoa học Xã hội mới và chương trình giảng dạy môn toán. Chương trình phát triển chuyên môn cho năm học 23-24 bao gồm 24 buổi nửa ngày (hai phiên họp PD kéo dài 1 giờ mỗi tháng), ba buổi PD cả ngày và ba buổi học nửa ngày với các chuyên gia và/hoặc cố vấn chương trình giảng dạy. Ngoài ra, chúng tôi còn liên tục tổ chức đào tạo với các chuyên gia về chương trình giảng dạy của học khu và các huấn luyện viên sẵn sàng cho tương lai về chủ đề toán học và đọc viết sớm (SIPPS) và Cách Sử dụng Tiếng Anh (ELD).

Các chủ đề về Phát triển Chuyên môn của Nhân viên cùng với thời gian ước tính cho mỗi khóa đào tạo tại Thorpe có thể bao gồm những nội dung sau:

- Toán học bao gồm Dự án Toán Irvine (Irvine Math Project), Bài học Chưa Hoàn thành (Unfinished Learning) và Tư duy Chiến lược (Strategic Thinking).
- Viết, tích hợp Khoa học Xã hội và các tiêu chuẩn ELA.
- Sơ đồ Tư duy (Thinking Maps)
- Các Công cụ Đánh giá Can thiệp và Hỗ trợ Hành vi Tích cực (PBIS)
- Giáo dục Năng khiếu và Tài năng (GATE)
- Phân tích dữ liệu MAP và Sử dụng Dữ liệu để Định hướng cho Giảng dạy
- Hướng dẫn Phân biệt - hướng dẫn theo nhóm nhỏ
- ELD Theo yêu cầu
- Đánh giá Cân bằng Thông minh Hơn (SBAC)
- Thẩm định Khả năng Thông thạo Anh ngữ tại California (ELPAC)

Học khu Thống nhất Santa Ana cung cấp các khóa đào tạo bổ sung và phương thức hỗ trợ nhằm triển khai chương trình mới cũng như chương trình đang diễn ra. Các nhân viên của Thorpe được tiếp cận với nhiều cơ hội phát triển chuyên môn do trường cung cấp trong suốt năm học và được nhà trường khuyến khích tham dự.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2021-22	2022-23	2023-24
<b>Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên</b>	16	18	26